



**BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THÁNG 8 NĂM 2025**  
(Báo cáo thuế)

| STT | Tên doanh nghiệp                                             | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|--------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 1   | CTY CP IN TRAN PHU                                           | 3.246.672              |                       | 0048790     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 2   | CTY CP HOP TAC KINH TE VA<br>XNK SAVIMEX                     | 3.109.090              |                       | 0048791     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 3   | CTY CP BE TONG LY TAM THU<br>DUC                             | 1.251.363              |                       | 0048792     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 4   | CTY TNHH GIAY BINH CHIEU                                     | 6.734.177              |                       | 0048793     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 5   | NHA MAY SUA THONG NHAT                                       | 30.792.796             |                       | 0048794     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 6   | NHA MAY SUA TRUONG THO                                       | 59.575.896             |                       | 0048795     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 7   | SEPZONE LINH TRUNG 1                                         | 177.869.446            |                       | 0048796     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 8   | SEPZONE LINH TRUNG 2                                         | 195.521.213            |                       | 0048797     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 9   | CTY CP CBTP HOC MON                                          | 37.691.764             |                       | 0048798     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 10  | CTY TNHH LD STELLAPHARM                                      | 1.723.236              |                       | 0048799     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 11  | CTY TNHH VIVA VINA CN1                                       | 2.213.826              |                       | 0048800     | 0000976 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 12  | CTY TNHH MAY MAC THAI<br>DUONG THE GIOI                      | 2.484.286              |                       | 0048801     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 13  | CTY CP HOA PHU                                               | 15.504.714             |                       | 0048802     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 14  | CTY CP MAY BINH MINH                                         | 2.775.461              |                       | 0048803     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 15  | CTY CP MAY HUU NGHI                                          | 4.900.068              |                       | 0048804     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 16  | CTY TNHH THUC PHAM LOC AN                                    | 22.430.464             |                       | 0048805     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 17  | CN TCT NN SG TNHH MTV CHAN<br>NUOI                           | 10.079.595             |                       | 0048806     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 18  | CTY CP VIET NAM KY NGHE SUC<br>SAN                           | 125.742.337            |                       | 0048807     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 19  | CTY TNHH WOODWORTH<br>WOODEN                                 | 4.889.446              |                       | 0048808     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 20  | CTY CP THUC PHAM AGREX SAI<br>GON                            | 60.621.300             |                       | 0048809     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 21  | ISUZU VIET NAM                                               | 13.917.689             |                       | 0048810     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 22  | CTY TNHH TM DV DONG THINH                                    | 3.785.914              |                       | 0048811     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 23  | CTY TNHH NHUA CO KHI VA TM<br>CHAN THUAN THANH               | 4.176.368              |                       | 0048812     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 24  | CTY TNHH MTV DVCI QUAN TAN<br>BINH                           | 2.272.722              |                       | 0048813     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 25  | TONG CTY MAY VIET TIEN - TAN<br>BINH                         | 10.047.465             |                       | 0048814     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 26  | CTY CP DEPOT SAI GON                                         | 3.416.495              |                       | 0048815     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 27  | CTY TNHH SX HTD BINH TIEN                                    | 6.734.841              |                       | 0048816     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 28  | CTY TNHH MTV CHE TAC VA KD<br>TRANG SUC PNJ                  | 6.139.064              |                       | 0048817     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 29  | CTY TNHH DV AN HA                                            | 3.493.064              |                       | 0048818     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 30  | CTY TNHH 3Q VINA                                             | 2.412.932              |                       | 0048819     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 31  | CTY TNHH DET MAY KIM THANH                                   | 7.518.605              |                       | 0048820     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 32  | DNTN TOAN DUNG                                               | 1.588.384              |                       | 0048821     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 33  | CTY TNHH MTV MOI TRUONG<br>DO THI TPHCM - SEEN PHUOC<br>HIEP | 39.379.516             |                       | 0048822     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |

| STT | Tên doanh nghiệp                                                  | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 34  | CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG<br>ĐO THỊ TP HCM - SEEN CÙU<br>CHIẾN BÌNH | 23.801.988             |                       | 0048823     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 35  | CTY TNHH HOÀN VU V.N                                              | 26.781.602             |                       | 0048824     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 36  | CTY TNHH MTV SÀI GÒN CO.OP<br>CÙ CHI                              | 2.394.853              |                       | 0048825     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 37  | CTY TNHH QUỐC TẾ CAO<br>NGUYỄN XANH                               | 21.214.481             |                       | 0048826     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 38  | TỔNG CTY MÁY VIỆT TIẾN - Q12                                      | 2.716.886              |                       | 0048827     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 39  | CTY CP HỢP TÁC KINH TẾ VÀ<br>XNK SAVIMEX                          | 4.525.126              |                       | 0048828     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 40  | CTY TNHH ELITE INVESTMENT<br>WORLDWIDE                            | 5.589.963              |                       | 0048829     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 41  | CTY TNHH MÁY THUÊ THUAN<br>PHUONG                                 | 3.230.048              |                       | 0048830     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 42  | CTY TNHH LD VINH HUNG                                             | 6.549.016              |                       | 0048831     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 43  | <b>HỦY BIÊN LAI (CT VÊ WONG)</b>                                  |                        |                       | 0048832     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 44  | CTY CN TÀU THUY SÀI GÒN                                           | 8.528.424              |                       | 0048833     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 45  | CTY TNHH KIDO                                                     | 3.030.825              |                       | 0048834     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 46  | CTY CP MÁY NHÀ BÈ                                                 | 12.347.879             |                       | 0048835     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 47  | CTY TNHH TÂN THUAN                                                | 480.032.731            |                       | 0048836     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 48  | XN DÔNG HIỆP-TCT NN SÀI GÒN                                       | 11.216.880             |                       | 0048837     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 49  | XN NAM PHONG-TCT NN SÀI GÒN                                       | 2.824.467              |                       | 0048838     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 50  | CTY TNHH HỒNG VON                                                 | 1.697.824              |                       | 0048839     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 51  | TRUNG TAM TM SATRA CÙ CHI                                         | 9.410.550              |                       | 0048840     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 52  | CTY MÁY QUANG VIỆT                                                | 17.850.528             |                       | 0048841     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 53  | CTY TNHH HOÀN VU V.N                                              | 753.365                |                       | 0048842     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 54  | <b>HỦY BIÊN LAI (CTY TNHH<br/>HOÀN VU V.N)</b>                    |                        |                       | 0048843     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 55  | CTY TNHH HOÀN VU V.N                                              | 754.125                |                       | 0048844     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 56  | CTY CP MÁY SÀI GÒN 3                                              | 6.948.115              |                       | 0048845     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 57  | CTY DUỐC PHẨM DUỐC LIỆU<br>PHARMEDIC                              | 6.046.020              |                       | 0048846     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 58  | CTY TNHH SX TM T VÀ T                                             | 7.445.264              |                       | 0048847     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 59  | <b>HỦY BIÊN LAI (NHÀ MÁY BIA<br/>VINAKEN)</b>                     |                        |                       | 0048848     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 60  | NHÀ MÁY BIA VINAKEN                                               | 2.146.535              |                       | 0048849     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 61  | CTY CVPM QUANG TRUNG                                              | 48.441.805             |                       | 0048850     | 0000977 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 62  | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                                               |                        |                       | 0048851     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 63  | CTY CP CƠ KHÍ THU DỤC                                             | 2.156.202              |                       | 0048852     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 64  | CTY TNHH SAIGON CO.OP<br>FAIRPRICE                                | 3.482.413              |                       | 0048853     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 65  | CTY CP QUỐC TẾ PHONG PHU                                          | 47.835.312             |                       | 0048854     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 66  | CTY TNHH YEAR 2000                                                | 1.426.368              |                       | 0048855     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 67  | CTY TNHH MTV DVCI QUẬN 2                                          | 80.582.020             |                       | 0048856     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 68  | CTY CP CK XD GIAO THÔNG                                           | 7.217.276              |                       | 0048857     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 69  | CTY CP DẦU THỰC VẬT TÂN<br>BÌNH                                   | 2.371.657              |                       | 0048858     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 70  | CTY CP DUỐC PHẨM TW 25                                            | 4.082.667              |                       | 0048859     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 71  | CTY CP KỸ NGHỆ THỰC PHẨM<br>VIỆT NAM                              | 55.621.039             |                       | 0048860     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |

| STT | Tên doanh nghiệp                               | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 72  | CTY CP SXKD XNK DV&DT TAN BINH                 | 128.027.980            |                       | 0048861     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 73  | CTY ETERNAL PROWESS                            | 5.314.235              |                       | 0048862     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 74  | HỦY BIÊN LAI (CT DỆT LƯỚI SÀI GÒN)             |                        |                       | 0048863     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 75  | HỦY BIÊN LAI (CT SAMBU VINA SPORTS)            |                        |                       | 0048864     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 76  | HỦY BIÊN LAI (Cty MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ)           |                        |                       | 0048865     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 77  | CTY CP SX HTD BINH TAN                         | 3.941.951              |                       | 0048866     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 78  | CTY CP ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG                      | 354.112.016            |                       | 0048867     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 79  | CTY TNHH SX XD TM DONG TAM                     | 2.373.070              |                       | 0048868     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 80  | CTY TNHH TY HUNG                               | 3.182.505              |                       | 0048869     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 81  | CTY TNHH CBTP VÀ BÁNH KEO PHẠM NGUYỄN          | 3.356.766              |                       | 0048870     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 82  | CTY TNHH SX VÀ TM PHẠM CHIẾN CÔNG              | 1.720.128              |                       | 0048871     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 83  | CTY NHỰA TAN LẬP THANH                         | 3.967.288              |                       | 0048872     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 84  | CTY TNHH FU CHUN                               | 2.473.848              |                       | 0048873     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 85  | CTY CP BA HUAN                                 | 4.402.382              |                       | 0048874     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 86  | CTY CP THUY DẠC SAN                            | 15.705.414             |                       | 0048875     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 87  | CTY CP TV DT XD TM SX NHỰT THANH               | 15.739.507             |                       | 0048876     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 88  | DUONG KIM THANH                                | 1.500.000              |                       | 0048877     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 89  | CTY TNHH KINH DOANH NHÀ KHANG PHÚC             | 592.716.235            |                       | 0048878     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 90  | CTY CP SX NHỰA DUY TÂN                         | 11.363.125             |                       | 0048879     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 91  | CTY TNHH MTV DỊCH VỤ KCN IDICO - KCN MỸ XUÂN A | 6.002.073              |                       | 0048880     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 92  | CTY TNHH HOA CHẤT HYOSUNG VINA                 | 1.000.000              |                       | 0048881     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 93  | CTY CP CB XNK THUY SAN TINH BRVT               | 1.834.725              |                       | 0048882     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 94  | CTY TNHH MÔI TRƯỜNG QUÝ TIỀN                   | 3.270.929              |                       | 0048883     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 95  | CTY CP THUY SAN PHUOC CO                       | 1.517.712              |                       | 0048884     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 96  | CTY TNHH SIAM CITY CEMENT VN                   | 1.903.860              |                       | 0048885     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 97  | CTY DUONG ONG KHI NAM CON SON                  | 1.735.352              |                       | 0048886     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 98  | CTY TNHH MTV HUNG DIEN THINH PHAT              | 2.332.058              |                       | 0048887     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 99  | CTY TNHH MAI LINH                              | 3.982.596              |                       | 0048888     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 100 | TỔNG CTY PHÁT DIỆN 3- CTY CP                   | 1.796.941              |                       | 0048889     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 101 | CTY CP THUY SAN & XNK CON ĐÀO                  | 750.543                |                       | 0048890     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 102 | CTY CP THANH BÌNH PHÚ MY                       | 5.272.016              |                       | 0048891     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 103 | CTY CP THANH BÌNH PHÚ MY                       | 30.077.339             |                       | 0048892     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 104 | CTY CP THANH BÌNH PHÚ MY                       | 3.401.964              |                       | 0048893     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 105 | CTY CP THANH BÌNH PHÚ MY                       | 8.245.193              |                       | 0048894     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 106 | CTY CP DONG TAU VÀ DV DK VUNG TAU              | 1.244.558              |                       | 0048895     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |

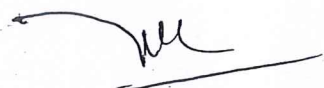
| STT | Tên doanh nghiệp                                                  | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|-------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 107 | CTY CP SONADEZI CHAU DUC                                          | 6.011.762              |                       | 0048896     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 108 | CTY TNHH HAI LINH                                                 | 1.541.696              |                       | 0048897     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 109 | CTY TNHH NHA MAY BIA<br>HEINEKEN VIET NAM - NM VUNG<br>TAU        | 8.531.498              |                       | 0048898     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 110 | CTY CP GIAY SAI GON                                               | 74.734.853             |                       | 0048899     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 111 | CTY CP TM DV TINH BRVT                                            | 2.728.790              |                       | 0048900     | 0000978 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 112 | <b>HỦY BIÊN LAI (CT CP THỦY SẢN<br/>HẢI LONG)</b>                 |                        |                       | 0048901     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 113 | CTY BASEAFOOD 1                                                   | 4.894.280              |                       | 0048902     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 114 | CTY TNHH THIEN PHUC                                               | 2.614.142              |                       | 0048903     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 115 | CTY TNHH MEI SHENG TEXTILES<br>VIET NAM - PX NHUOM                | 6.638.156              |                       | 0048904     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 116 | CTY TNHH BOOMIN VINA                                              | 8.082.575              |                       | 0048905     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 117 | CTY TNHH BOOMIN VINA                                              | 850.380                |                       | 0048906     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 118 | CN CTY TNHH TIEN HUNG - KCN<br>MY XUAN B1 - CN TIEN HUNG          | 11.053.199             |                       | 0048907     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 119 | CTY TNHH MTV DỊCH VỤ KCN<br>IDICO - KCN PHU MY 2                  | 1.831.167              |                       | 0048908     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 120 | CTY TNHH MEI SHENG TEXTILES<br>VIET NAM                           | 5.031.770              |                       | 0048909     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 121 | CTY TNHH PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ<br>FORMOSA                            | 32.111.010             |                       | 0048910     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 122 | CTY INTERFOUR VIET NAM                                            | 1.909.814              |                       | 0048911     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 123 | CTY INTERMALT VIET NAM                                            | 6.374.092              |                       | 0048912     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 124 | CN TCT KHI VN - CTY CP - CTY<br>CHE BIEN KHI VUNG TAU             | 5.155.582              |                       | 0048913     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 125 | <b>HỦY BIÊN LAI (CT DẦU KHÍ<br/>NHẬT VIỆT)</b>                    |                        |                       | 0048914     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 126 | JVJC - JAPAN VIET NAM<br>PETROLEUM COMPANY                        | 484.429.799            |                       | 0048915     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 127 | <b>HỦY BIÊN LAI (CT<br/>VIETSOPETRO)</b>                          |                        |                       | 0048916     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 128 | CTY TNHH MEI TEXTILES VIET<br>NAM                                 | 6.726                  |                       | 0048917     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 129 | LIÊN DOANH VIỆT NGÀ<br>VIETSOVPETRO                               | 1.534.731.826          |                       | 0048918     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 130 | ZARUBEZHNEFTEP VIET NAM B.V                                       | 247.344.246            |                       | 0048919     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 131 | TCT XÂY DỰNG SAI GON                                              | 12.886.770             |                       | 0048920     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 132 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                                               |                        |                       | 0048921     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 133 | CN ĐIỀU HÀNH DẦU KHÍ TRONG<br>NƯỚC - CTY TNHH                     | 200.105.300            |                       | 0048922     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 134 | CTY CP DV XNK NÔNG LÂM SẢN<br>VÀ PHÂN BÓN BÀ RIA - CẢNG<br>PHU MY | 1.346.890              |                       | 0048923     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 135 | TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP-NANG<br>LUONG QUỐC GIA VN                    | 39.884.277             |                       | 0048924     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 136 | XN HUNG THAI                                                      | 1.962.000              |                       | 0048925     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 137 | CTY HOA CHẤT AGC VIET NAM                                         | 11.363.469             |                       | 0048926     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 138 | CTY ECLAT FABRICS                                                 | 6.809.896              |                       | 0048926     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 139 | XN SỮA CHUA TÀU BIỂN                                              | 1.311.808              |                       | 0048927     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |

| STT | Tên doanh nghiệp                               | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 140 | CTY NHIET DIEN PHU MY                          | 1.732.115              |                       | 0048928     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 141 | CTY CP CBHS DONG DUONG                         | 1.250.889              |                       | 0048930     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 142 | CTY HAI SAN BINH DUONG                         | 2.650.442              |                       | 0048931     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 143 | CTY HAI SAN BINH DUONG                         | 2.161.772              |                       | 0048932     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 144 | CTY DT VA KTHT KCN D XUYEN<br>VA PM1           | 24.199.922             |                       | 0048933     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 145 | CTY CP KCN TIN NGHIA PHUONG<br>DONG            | 23.280.632             |                       | 0048934     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 146 | CTY CP CAP NUOC PHU MY                         | 4.351.734              |                       | 0048935     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 147 | LIEN DOANH VIET NGA<br>VIETSOVPETRO            | 38.430.844             |                       | 0048936     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 148 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                            |                        |                       | 0048937     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 149 | CTY CHAN NUOI PHAT TIEN                        | 11.061.048             |                       | 0048938     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 150 | XN CBTS XUAT KHAU IV                           | 18.214                 |                       | 0048939     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 151 | CTY TNHH KIM CUONG PHU                         | 2.600.435              |                       | 0048940     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 152 | CTY TNHH POSCO VIET NAM                        | 12.124.452             |                       | 0048941     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 153 | CTY CP THEP POSCO YAMATO<br>VINA               | 2.259.961              |                       | 0048942     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 154 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                            |                        |                       | 0048943     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 155 | VPDH ZARUBEZHNEFTEP VIET<br>NAM                | 219.343.506            |                       | 0048944     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 156 | DNTN THIEN PHUONG                              | 2.202.076              |                       | 0048945     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 157 | CTY TNHH PHU QUY                               | 7.742.076              |                       | 0048946     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 158 | CTY TNHH TRUNG SON                             | 1.294.282              |                       | 0048947     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 159 | CTY CP TP THIEN HUONG                          |                        | 1.680.161             | 0048948     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 160 | NM BIA SAI GON NGUYEN CHI<br>THANH             |                        | 3.000.000             | 0048949     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 161 | CTY TM XU LY MOI TRUONG<br>THANH LAP           |                        | 1.502.154             | 0048950     | 0000979 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 162 | CTY CP CN VA TM LIDOVIT                        |                        | 1.500.293             | 0048951     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 163 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                            |                        |                       | 0048952     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 164 | CTY TNHH FREETREND INDUST                      |                        | 751.000               | 0048953     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 165 | CTY TNHH FREETREND INDUST                      |                        | 752.000               | 0048954     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 166 | CTY TNHH LONG RICH                             |                        | 1.500.934             | 0048955     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 167 | CTY CP MAY SAI GON 3                           |                        | 6.000.000             | 0048956     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 168 | CTY TNHH SIAM CITY CEMENT                      |                        | 750.558               | 0048957     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 169 | CTY TNHH THEP TUNG HO VIET<br>NAM              |                        | 1.613.760             | 0048958     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 170 | CTY CP TONG HONG TANNERY<br>VIET NAM           |                        | 777.612               | 0048959     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 171 | CN TCT PB VA HCDK CTY CP NHA<br>MAY DAM PHU MY |                        | 1.632.981             | 0048960     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 172 | CTY TNHH IGUACU VIET NAM                       |                        | 819.674               | 0048961     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 173 | CTY TNHH MEI SHENG TEXTILES<br>VIET NAM        |                        | 770.396               | 0048962     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 174 | CTY CP HANACANS                                |                        | 750.685               | 0048963     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 175 | DN CHE XUAT NITORI VIET NAM -<br>CN BRVT       |                        | 751.616               | 0048964     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 176 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                            |                        |                       | 0048965     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 177 | CTY TNHH CO KHI CHIENG<br>SHYONG VIET NAM      |                        | 750.594               | 0048966     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 178 | CTY TNHH SHOWA TECH VIET<br>NAM                |                        | 3.000.000             | 0048967     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |

| STT | Tên doanh nghiệp                        | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|-----------------------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 179 | CTY PRIME ASIA VIET NAM                 |                        | 757.627               | 0048968     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 180 | CTY TNHH HOA CHAT HYOSUNG VINA          |                        | 768.243               | 0048969     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 181 | CTY TNHH TAI NGUYEN CHC VN - CN BRVT    |                        | 866.995               | 0048970     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 182 | CTY TNHH SX GIAY UY VIET                |                        | 750.017               | 0048971     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 183 | CTY TNHH MOI TRUONG QUY TIEN            |                        | 752.560               | 0048972     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 184 | CTY TNHH NEWAY FLUID EQUIPMENT VIET NAM |                        | 3.000.000             | 0048973     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 185 | CTY TNHH CO KHI CHIENG SHYONG VIET NAM  |                        | 750.681               | 0048974     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 186 | CTY TNHH SIAM CITY CEMENT               |                        | 750.164               | 0048975     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 187 | CTY TNHH KRAFT OF ASIA PAPAERBOARD      |                        | 755.433               | 0048976     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 188 | CTY CP THUY SAN & XNK CON DAO           |                        | 8.172.528             | 0048977     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 189 | CTY TNHH SIAM CITY CEMENT               |                        | 2.253.198             | 0048978     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 190 | CTY TNHH SIAM CITY CEMENT               |                        | 750.257               | 0048979     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 191 | CTY TNHH POUYEUN VN                     |                        | 1.549.557             | 0048980     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 192 | CTY TNHH SX TM UYEN PHAT                |                        | 2.750.000             | 0048981     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 193 | CTY TNHH PARAPEX                        |                        | 3.000.000             | 0048982     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 194 | CTY INTERFLOUR VIET NAM                 |                        | 780.736               | 0048983     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 195 | CTY INTERMALT VN                        |                        | 753.765               | 0048984     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 196 | CTY TNHH ZINC OXIDE                     |                        | 757.546               | 0048985     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 197 | CTY TNHH THEP VINA KYOEI                |                        | 764.829               | 0048986     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 198 | CTY TNHH MTV THEP MIEN NAM - VNSTEEL    |                        | 851.381               | 0048987     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 199 | CTY TNHH BOOMIN VINA                    |                        | 750.000               | 0048988     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 200 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                     |                        |                       | 0048989     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 201 | CTY TNHH KRAFT OF ASIA PAPAERBOARD      |                        | 750.488               | 0048990     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 202 | CTY SANGSHIN VIET NAM                   |                        | 3.000.000             | 0048991     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 203 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                     |                        |                       | 0048992     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 204 | CTY THEP TAM LA PHU MY                  |                        | 3.348.255             | 0048993     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 205 | CTY CP CHINA STEEL VÀ NIPPON            |                        | 770.662               | 0048994     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 206 | CTY TNHH ECLAT FABRICS VN               |                        | 756.805               | 0048995     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 207 | CTY HOA CHAT AGC VIET NAM               |                        | 771.751               | 0048996     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 208 | CTY BIEN DONG POC                       |                        | 120.407.210           | 0048997     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 209 | CTY CN KINH NSG VIET NAM                |                        | 945.410               | 0048998     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 210 | CTY TNHH SADESA VIET NAM                |                        | 750.000               | 0048999     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 211 | CTY HOA SEN PHU MY                      |                        | 750.590               | 0049000     | 0000980 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 212 | CTY HOA DAU LONG SON                    |                        | 751.079               | 0049001     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 213 | CTY BAO BI NGK CROWN VUNG TAU           |                        | 2.750.000             | 0049002     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 214 | CTY TNHH DONG PHUONG VUNG TAU           |                        | 750.013               | 0049003     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 215 | CTY TNHH POSCO VIET NAM                 |                        | 784.345               | 0049004     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 216 | <b>HỦY BIÊN LAI</b>                     |                        |                       | 0049005     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 217 | CTY CP TAP DOAN HOA SEN                 |                        | 2.250.000             | 0049006     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 218 | NM BIA SAI GON CU CHI                   |                        | 750.104               | 0049007     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |

| STT | Tên doanh nghiệp           | Số tiền<br>(nước thải) | Số tiền<br>(khí thải) | Số chứng từ | Số cuốn | Số Xêri | Mẫu số     |
|-----|----------------------------|------------------------|-----------------------|-------------|---------|---------|------------|
| 219 | NM BIA SAI GON CU CHI      |                        | 750.154               | 0049008     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 220 | CTY THEP POSCO YAMATO VINA |                        | 819.552               | 0049009     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 221 | CTY CP GIAY SAI GON        |                        | 847.790               | 0049010     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 222 | CTY TNHH SAI GON VE WONG   | 2.250                  |                       | 0049011     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
| 223 | CONG TY HOANG LONG         | 2.117.742.259          |                       | 0049012     | 0000981 | AE-22P  | 01BLP2-001 |
|     | Tổng nước thải, khí thải   | 8.216.085.454          | 203.294.143           |             |         |         |            |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>8.419.379.597</b>   |                       |             |         |         |            |

**PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP**

  
Huỳnh Thị Thuận

**PHÒNG THU PHÍ  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

  
Dương Thị Minh Hằng

Nơi nhận:

+ P.KH (báo cáo);

+ Lưu, VT-TP(2).

